

ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ 12 – GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021 – 2022

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Củng cố lại kiến thức trong chương trình giữa học kì I gồm các bài: 1-> 11.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong quá trình ôn tập, làm bài kiểm tra.

3. Năng lực

- Năng lực chung: Tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề sáng tạo; ngôn ngữ .

- Năng lực chuyên biệt bộ môn lịch sử:

+ Tìm hiểu lịch sử.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

II. ĐỀ CƯƠNG

1. Hướng dẫn đề cương theo bài

Bài 1: Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949)

Nhận biết:

- Nêu được hoàn cảnh, thành phần tham dự, những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta (2/1945) và thỏa thuận của ba cường quốc.

- Nêu được sự thành lập, mục đích và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.

Thông hiểu:

- Hiểu được ý nghĩa những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta.

- Hiểu được vai trò, thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Vận dụng

- Phân tích được tác động từ những quyết định của Hội nghị Ianta và những thỏa thuận của ba cường quốc đối với tình hình thế giới từ sau năm 1945.

Vận dụng cao:

- Liên hệ, việc vận dụng (được) các nguyên tắc của Liên hợp quốc trong việc giải quyết vấn đề hòa bình, an ninh thế giới; bảo vệ chủ quyền biên giới, biển và hải đảo ở nước ta hiện nay.

- Rút ra được những đóng góp của Liên hợp quốc từ sau khi thành lập đến nay.

Bài 2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000).

Nhận biết:

- Nêu được những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục kinh tế (1945 - 1950) và xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70 (thế kỉ XX).

- Nêu được những nét chính về các mặt: kinh tế, chính trị, chính sách đối ngoại, vị trí của Liên bang Nga (1991 - 2000) trên trường quốc tế.

Thông hiểu:

- Hiểu được nguyên nhân đạt được những thành tựu trong quá trình khôi phục kinh tế (1945 - 1950) và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70).

Vận dụng:

- Phân tích được nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

Vận dụng cao:

- Rút ra được ý nghĩa những thành tựu của nhân dân Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ 1950 đến nửa đầu những năm 70, thế kỉ XX).
- Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Bài 3. Các nước Đông Bắc Á.**Nhận biết:**

- Biết được những nét chung về các nước khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trình bày được sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; nội dung đường lối cải cách và thành tựu chính từ sau năm 1978.

Thông hiểu:

- Hiểu (giải thích) được ý nghĩa sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Vận dụng:

- Phân tích được những biến đổi về chính trị, kinh tế - xã hội của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Vận dụng cao:

- Đánh giá được ý nghĩa những thành tựu trong công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc.
- Rút ra được bài học cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.

Bài 4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ.**Nhận biết:**

- Trình bày được quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai; các giai đoạn chính của cách mạng Lào (1945 - 1975) và Cam-pu-chia (1945 - 1993);
- Trình bày được sự thành lập, mục tiêu và quá trình phát triển, số lượng các nước thành viên của tổ chức ASEAN.
- Nêu được những sự kiện chính về quá trình đấu tranh giành độc lập và thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước ở Ấn Độ từ sau năm 1945.

Thông hiểu:

- Lập (được) bảng thống kê sự kiện các nước giành độc lập.
- Hiểu được ý nghĩa những mốc chính trong quá trình phát triển của tổ chức ASEAN.

Vận dụng:

- Khái quát được những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Phân tích được đặc điểm các giai đoạn phát triển của tổ chức ASEAN.

Vận dụng cao:

- Rút ra được bài học từ những thành tựu phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.
- Liên hệ được về mối quan hệ của Việt Nam với các nước thành viên ASEAN.

Bài 5. Các nước châu Phi và Mĩ Latinh.**Nhận biết:**

- Trình bày được sự kiện chính trong cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước châu Phi và Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Thông hiểu:

- Hiểu được ý nghĩa những thắng lợi lớn trong phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Phi và Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Vận dụng cao:

- Rút ra được ý nghĩa lịch sử của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

- So sánh được đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ Latinh.

Bài 6. Nước Mĩ

Nhận biết:

- Nêu được tình hình kinh tế, khoa học – kỹ thuật và chính sách đối ngoại của Mĩ những năm 1945 - 1973; 1973 - 1991; 1991 → nay.

Thông hiểu:

- Hiểu được chính sách của Mĩ và những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Mĩ.

Bài 7. Tây Âu

Nhận biết:

- Nêu được các vấn đề chủ yếu về sự phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật và chính sách đối ngoại Tây Âu qua các giai đoạn 1945 - 1950, 1950 - 1973, 1973 - 1991, 1991 → nay.

- Biết được quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

Thông hiểu:

- Hiểu (giải thích) được nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Tây Âu.

Bài 8. Nhật Bản.

Nhận biết:

- Nêu được các vấn đề chủ yếu: Sự phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật; Chính sách đối ngoại của Nhật Bản qua các thời kì 1945 – 1952, 1952 – 1973, 1973 – 1991, 1991 – 2000.

Thông hiểu:

- Hiểu được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản.

Vận dụng:

- Khái quát được đặc điểm về kinh tế, chính sách đối ngoại của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản trong từng giai đoạn phát triển.

- So sánh nguyên nhân phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.

Vận dụng cao:

- Nhận xét được điểm tương đồng về vai trò, vị trí kinh tế của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.

- Rút ra được điểm tương đồng và đánh giá sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản và Tây Âu qua các thời kì.

Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh.

Nhận biết:

- Trình bày được mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của “Chiến tranh lạnh”: nội dung cơ bản của Học thuyết Tru-man; sự hình thành khối quân sự NATO và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

- Trình bày được những sự kiện biểu hiện xu thế hoà hoãn tiến tới chấm dứt “Chiến tranh lạnh”;

- Trình bày được sự kiện Mĩ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Thông hiểu:

- Giải thích được hậu quả của việc thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

- Hiểu được nguyên nhân Mĩ và Liên Xô chuyển sang thế đối đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai và nguyên nhân hai cường quốc tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Vận dụng:

- Phân tích được đặc điểm của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991: là thời kì căng thẳng giữa hai phe, hai khối, đứng đầu là Mĩ và Liên Xô.

- Phân tích đặc điểm trong quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay là: hoà hoãn, đa cực, lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm, xung đột khu vực.

Bài 10. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX

Nhận biết:

- Nêu nguồn gốc, đặc điểm của cách mạng khoa học – công nghệ.
- Nêu được bản chất và những biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa.

Thông hiểu:

- Hiểu được đặc điểm của nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

Vận dụng:

- Phân tích được tác động tích cực và những vấn đề nảy sinh do cách mạng khoa học – kĩ thuật.
- Phân tích được mặt tích cực và tiêu cực của xu thế toàn cầu hóa.

Vận dụng cao: Liên hệ, vận dụng được toàn cầu hóa vừa là thời cơ vừa là thách thức đối với các dân tộc.

2. Đề minh họa

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Tham dự Hội nghị Ianta (2-1945) gồm nguyên thủ những quốc gia nào sau đây?

- A. Liên Xô, Mĩ, Anh.
- B. Mĩ, Anh, Pháp.
- C. Liên Xô, Anh, Pháp.
- D. Anh, Pháp, Đức.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc?

- A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- B. Thỏa thuận về việc đóng quân nhằm giải giáp quân đội phát xít.
- C. Quy định việc giải giáp quân đội quân Nhật ở Đông Dương.
- D. Các nước cùng nhau xây dựng trật tự thế giới mới.

Câu 3. Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 (thế kỉ XX), Liên Xô là nước đi đầu trong những lĩnh vực công nghiệp nào sau đây?

- A. Vũ trụ và điện hạt nhân.
- B. Sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến.
- C. Lọc hóa dầu và công nghiệp nhẹ.
- D. Sản xuất dầu và khai thác mỏ.

Câu 4. Sau khi Liên Xô sụp đổ (1991), quốc gia nào sau đây được kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

- A. Liên bang Nga.
- B. Ca-dắc-xtan.
- C. Et-tô-nia
- D. Môn-đô-va

Câu 5. Nửa sau thế kỉ XX, những quốc gia nào ở khu vực Đông Bắc Á trở thành “con rồng” kinh tế châu Á?

- A. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.
- B. Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.
- C. Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông.
- D. Triều Tiên, Đài Loan, Hàn Quốc.

Câu 6. Năm 1945, quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập?

- A. Indônêxia.

- B. Thái lan.
- C. Campuchia.
- D. Miến Điện.

Câu 7. Sau khi giành được độc lập, nhóm các nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược kinh tế nào sau đây?

- A. Chiến lược kinh tế hướng nội.
- B. Chiến lược kinh tế hướng ngoại.
- C. Chiến lược toàn cầu.
- D. Chiến lược cam kết và mở rộng.

Câu 8. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chính đảng nào sau đây lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ?

- A. Đảng Quốc đại.
- B. Đảng Cộng sản.
- C. Đảng Dân tộc.
- D. Đảng Xã hội.

Câu 9. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi giành thắng lợi sớm nhất ở khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Phi.
- B. Tây Phi.
- C. Nam Phi.
- D. Đông Phi.

Câu 10. Trong nửa sau thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây đi đầu cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp?

- A. Mĩ.
- B. Liên Xô.
- C. Ấn Độ.
- D. Trung Quốc.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu trong những năm 1945 – 1950?

- A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ, tìm cách trở lại thuộc địa cũ.
- B. Thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa.
- C. Thiết lập quan hệ với Liên Xô và các nước Đông Âu.
- D. Trở thành đối trọng của Mĩ trong nhiều vấn đề.

Câu 12. Cuối thập kỉ 90 (thế kỉ XX), tổ chức nào sau đây là liên kết kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh?

- A. Liên minh châu Âu.
- B. Liên hợp quốc.
- C. Liên minh vì sự tiến bộ.
- D. Đại hội dân tộc Phi.

Câu 13. Nhân tố quyết định hàng đầu sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản trong những năm 1960 – 1973 là gì?

- A. Con người.
- B. Kỹ thuật.
- C. Giáo dục.
- D. Tài nguyên.

Câu 14. Sự kiện nào sau đây đánh dấu khởi đầu cuộc Chiến tranh lạnh giữa Liên Xô và Mĩ trong nửa sau thế kỉ XX?

- A. Thông điệp của Tổng thống Truman (12-3-1947).
- B. Sự ra đời của “Kế hoạch Mác-san” (6-1947).
- C. Mĩ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954).
- D. Chiến tranh giữa hai miền Triều Tiên bùng nổ (6-1950).

Câu 15. Tổ chức nào sau đây là liên minh quân sự của Mĩ và các nước Tây Âu được thành lập năm 1949?

- A. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.
- B. Tổ chức Hiệp ước Vácava.
- C. Hội đồng tương trợ kinh tế.
- D. Kế hoạch Mácsan.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là nguồn gốc của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại (nửa sau thế kỉ XX)?

- A. Đáp ứng những đòi hỏi của cuộc sống và sản xuất.
- B. Các nhà khoa học tập trung đông tại Mĩ.
- C. Sự hình thành mạng thông tin máy tính toàn cầu.
- D. Tác động của xu thế toàn cầu hóa.

Câu 17. Quyết định nào sau đây của Hội nghị Ianta (2-1945) đã góp phần thúc đẩy Chiến tranh thế giới thứ hai nhanh chóng kết thúc?

- A. Thống nhất mục tiêu chung là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức, Nhật.
- B. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- C. Thỏa thuận về việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng.
- D. Khôi phục lại nền kinh tế thế giới sau khi chiến tranh kết thúc.

Câu 18. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cơ quan nào sau đây của Liên hợp quốc giữ vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới?

- A. Hội đồng Bảo an.
- B. Đại hội đồng.
- C. Tòa án quốc tế.
- D. Ban Thư kí.

Câu 19. Hiệp ước Thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (2-1976) đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN vì lí do nào sau đây?

- A. Xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.
- B. Đồng ý kết nạp tất cả các quốc gia Đông Nam Á là thành viên.
- C. Đánh dấu quan hệ giữa ASEAN với Đông Dương được thiết lập.
- D. Chính thức ngăn chặn được sự ảnh hưởng của Mĩ đối với khu vực.

Câu 20. Năm 1960 được lịch sử ghi nhận là “Năm châu Phi” vì lí do nào sau đây?

- A. Có 17 quốc gia được trao trả độc lập.
- B. Phong trào đấu tranh vũ trang phát triển mạnh.
- C. Nền thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ bị lật đổ.
- D. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.

Câu 21. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực Mĩ Latinh trở thành “Lục địa bùng cháy” vì lí do nào sau đây?

- A. Phong trào đấu tranh vũ trang phát triển mạnh.
- B. Phong trào đấu tranh chính trị diễn ra mạnh mẽ.

C. Chính phủ Cuba tuyên bố đi lên chủ nghĩa xã hội.

D. Chế độ độc tài thân Mỹ Batixta ở Cuba bị lật đổ.

Câu 22. Nội dung nào sau đây là một trong những lí do Mỹ thực hiện “Kế hoạch Mácsan” (6-1947)?

A. Khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh.

B. Đối phó với Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

C. Đối phó với sự vươn lên của Nhật Bản.

D. Biến các nước Tây Âu thành thuộc địa của Mỹ.

Câu 23. Sau khi Liên Xô sụp đổ (1991), Mỹ dựa vào lợi thế nào sau đây để thực hiện tham vọng thiết lập trật tự thế giới “đơn cực”?

A. Sức mạnh kinh tế, quân sự, khoa học – kĩ thuật.

B. Là quốc gia duy nhất có vũ khí nguyên tử.

C. Đứng đầu thế giới về sở hữu vàng và ngoại tệ.

D. Chi phối được nhiều nước tư bản đồng minh.

Câu 24. Nền kinh tế Tây Âu trong những năm 1973 - 1991 có đặc điểm nào sau đây?

A. Suy thoái, khủng hoảng.

B. Đứng đầu thế giới về ngoại tệ.

C. Phát triển nhanh chóng.

D. Bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

Câu 25. Trong những năm 1952 – 1973, Nhật Bản mua bằng phát minh sáng chế vì lí do nào sau đây?

A. Nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển.

B. Nhật Bản không thể tổ chức nghiên cứu khoa học.

C. Nhật Bản thiếu nguyên liệu phục vụ nghiên cứu.

D. Nhằm hạn chế sự ảnh hưởng của Mỹ.

Câu 26. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, quan hệ Liên Xô – Mỹ chuyển sang thế đối đầu do nguyên nhân nào sau đây?

A. Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược phát triển giữa hai cường quốc.

B. Liên Xô có nhiều hành động chống phá Mỹ và đồng minh.

C. Hệ thống tư bản chủ nghĩa đứng trước nguy cơ bị tấn công.

D. Sự tương đồng về mục tiêu và chiến lược phát triển giữa hai cường quốc.

Câu 27. Nội dung nào sau đây là một trong những tác động của việc chấm dứt Chiến tranh lạnh?

A. Mở ra chiều hướng giải quyết hòa bình các tranh chấp, xung đột.

B. Mở ra thời kì nền hòa bình thế giới hoàn toàn được củng cố.

C. Chấm dứt mọi mâu thuẫn, xung đột giữa các quốc gia.

D. Trực tiếp làm sụp đổ trật tự hai cực, hình thành trật tự mới.

Câu 28. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật (nửa sau thế kỉ XX) đã dẫn đến sự hình thành của xu thế nào sau đây?

A. Xu thế toàn cầu hóa.

B. Xu thế “đơn cực”.

C. Xu thế “đa cực”.

D. Xu thế đối đầu.

PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Phân tích những biến đổi của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. (1 điểm)

Hãy chỉ ra điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản. Việt Nam có thể học tập được gì từ những nguyên nhân đó?